TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PT** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 218/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27-7-2017
V/v tranh chấp HNGĐ xin ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sở thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Dũng

Các vị Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Phùng

2. Ông Võ Thái Quân

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Thành Thuận - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*: Ông Lê Hữu Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2017/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2017 về: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình xin ly hôn, nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm B, sinh năm 1991. Nơi cư trú tổ 07, ấp HL, xã HL, huyện PT, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn N, sinh năm 1985. Nơi cư trú ấp HL, xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang.

(Các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11-4-2017, biên bản lấy lời khai ngày 13-6-2017, biên bản hòa giải ngày 14-6-2017 và tại phiên tòa thì chị Nguyễn Thị Cẩm B trình bày: Vào năm 2006 chị với anh N thành vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được UBND xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 08/2011, quyển số 01/2011, ngày 17 tháng 02 năm 2011. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc, đến khoảng năm 2011- 2012 phát sinh mâu thuẫn, do anh N thường xuyên rượu chè không quan tâm đến cuộc sống gia đình và vợ con, có lần dùng tay nắm đầu chị đập vào lu nước nên chị và anh N không chung sống với nhau khoảng thời gian hơn 01 năm, sau đó mới chung sống lại đến năm 2015 chị

có đơn ly hôn nộp tại Tòa án, thời gian chờ giải quyết thì anh N đến năn nỉ nên vợ chồng chung sống với nhau lần thứ 02. Sau đó, anh N vẫn không sửa đổi nên chính thức ly thân từ mùng 03 tháng 01 năm 2017âl cho đến nay.

- Về quan hệ con chung: có 01 đứa tên Lê Nguyễn Trung T, sinh ngày 25-6-2007, từ khi ly thân đến nay sống với anh N.

- Về quan hệ tài sản chung; nợ phải thu và nợ phải trả: không có.

Yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với anh Lê Văn N.

- Về quan hệ con chung: Đồng ý cho anh Lê Văn N được tiếp tục nuôi con tên Lê Nguyễn Trung T, sinh ngày 25-6-2007, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung; nợ phải thu và nợ phải trả: không có, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 14-6-2017, biên bản hòa giải ngày 14-6-2017 và tại phiên tòa thì anh Lê Văn N trình bày: thống nhất với lời trình bày của chị B về thời gian tiến tới hôn nhân, sống có hạnh phúc và ly thân cho đến nay. Nhưng về nguyên nhân mâu thuẫn thì anh cho rằng do hoàn cảnh gia đình khó khăn; đi làm phụ xế cũng bị chủ xe cho tạm ngừng nên buồn, thường xuyên rượu chè, không lo cho gia đình và vợ con, có tham gia cờ bạc, cũng có lần đánh chị B do thương vì ghen tuông, có 01 lần xa nhau thời gian 01 năm rồi chung sống lại. và chính thức ly thân từ mùng 03 tháng 01 năm 2017âl cho đến nay.

- Về quan hệ con chung: có 01 đứa tên Lê Nguyễn Trung T, sinh ngày 25-6-2007, từ khi ly thân đến nay sống với anh.

- Về quan hệ tài sản chung; nợ phải thu và nợ phải trả: không có.

Yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: không đồng ý ly hôn với chị B.

- Về quan hệ con chung: được tiếp tục nuôi đứa con tên Lê Nguyễn Trung T, sinh ngày 25-6-2007, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung; nợ phải thu và nợ phải trả: không có, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Cẩm B với anh Lê Văn N có đăng ký kết hôn và được UBND xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 08/2011, quyển số 01/2011, ngày 17 tháng 02 năm 2011. Như vậy hôn nhân của anh, chị hợp pháp được pháp luật bảo vệ và giải quyết khi có

mâu thuẫn xảy ra, theo chị B khai quá trình chung sống có hạnh phúc, đến khoảng năm 2011- 2012 phát sinh mâu thuẫn, do anh N thường xuyên rượu chè không quan tâm đến cuộc sống gia đình và vợ con, có lần dùng tay nắm đầu chị đập vào lu nước nên chị và anh N không chung sống với nhau khoảng thời gian hơn 01 năm, sau đó được hàn gắn mới chung sống lại đến năm 2015 thì phát sinh tiếp mâu thuẫn nên chị có đơn ly hôn nộp tại Tòa án, thời gian chờ giải quyết thì anh N đến năn nỉ, vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau lần thứ 02. Sau khi chung sống lai anh N vẫn tiếp tục vi phạm, vì vậy chính thức ly thân từ mùng 03 tháng 01 năm 2017âl cho đến nay. Anh N cũng thừa nhận với lời khai của chị B, nhưng diện lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn; đi làm phụ xế cũng bị chủ xe cho tạm ngừng nên buồn, thường xuyên rượu chè, không lo cho gia đình và vợ con, có tham gia cờ bạc, cũng có nhiều lần đánh chị B vì lý do thương và ghen tuông là chưa phù hợp với cuộc sống vợ chồng, trong thời gian chung sống, có 03 lần ly thân và 02 lần đánh chị B đây được coi là hành vi bạo lực gia đình xảy ra thường xuyên, lặp đi lặp lại nên dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khỏan 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B.

[2]. Về quan hệ con chung: chị B và anh N có 01 đứa Lê Nguyễn Trung T, sinh ngày 25-6-2007, từ khi ly thân đến nay sống với anh N. HĐXX xét thấy, từ khi ly thân đến nay cháu đều sống với anh N, nay chị B đồng ý cho anh N được tiếp tục nuôi dưỡng và hơn nữa nguyện vọng của cháu là được tiếp tục sống với cha và anh N cũng yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, do đó công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh chị về người trực tiếp nuôi con. Đáng lẽ, chị B phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các khỏan 1, 2 Điều 81; các Điều 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng anh N tự nguyện không yêu cầu nên chị B không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản: Tai phiên Tòa anh N khai bổ sung là vợ chồng có tạo 04 chỉ vàng 24 ka ra và 01 chỉ vàng 18 ka ra, khi ly thân chị B giữ, nhưng không yêu cầu HĐXX giải quyết buộc chị B phải chia. HĐXX xét thấy việc bổ sung trên đây của anh N không được xem xét theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, vì tại biên bản hòa giải ngày 14-6-2017 của Tòa án nhân dân huyện PT thì anh N khai vợ, chồng không có tài sản chung, hơn nữa tại phiên tòa anh không yêu cầu HĐXX giải quyết buộc chị B phải phân chia số vàng đó.

[4] Về nợ phải thu: không có, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5] Về nợ phải trả: Chị B và anh N khai không có, vì vậy HĐXX ghi nhận, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ

chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[6]. Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, thư ký các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Hôn nhân của chị B và anh N được xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu, tự nguyện chung sống, cha mẹ hai bên đều đồng ý có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do anh N thường xuyên rượu chè không quan tâm đến cuộc sống gia đình và vợ con từ khi ly thân đến nay không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị B là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

[6]Về án phí DSST: Chị B phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; các khoản 1 và 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khỏan 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Cẩm B được ly hôn với anh Lê Văn N.

- Về quan hệ con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Cẩm B và anh Lê Văn N về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn.

+ Anh Lê Văn N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đứa con tên Lê Nguyễn Trung T, sinh ngày 25-6-2007. Anh N tự nguyện không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng không ai được ngăn cảng mà phải tạo điều kiện thuận lợi khi chị B đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con.

+ Việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên không cố định.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Nguyễn Thị Cẩm B phải chịu án phí về việc xin ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012995 ngày 03 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện PT;
- VKSND huyện PT;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thành Dũng